TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HÀM YÊN** **TỈNH TUYÊN QUANG** Bản án số: **74**/2023/DS-ST Ngày 16-8-2023 "*V/v: Yêu cầu tuyên bố hợp đồng vô hiệu và giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu*"	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÀM YÊN, TỈNH TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Đức Tùng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hoàng Văn Bốn.

2. Ông Mạc Ngọc Day.

- *Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà:* Bà Phạm Thị Thu Hương - Thư ký Toà án nhân dân huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm Yên tham gia phiên tòa:* Bà Vũ Phương Hà - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 15 và 16 tháng 8 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai theo hình thức số hóa vụ án dân sự thụ lý số: 153/2022/TLST-DS, ngày 08/12/2022 về việc *"Tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2023/QĐXXST-DS, ngày 07/6/2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 11/2023/QĐST-DS ngày 04/7/2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 12/2023/QĐST-DS ngày 26/7/2023 giữa:

- Nguyên đơn: Ông Hà Văn N, sinh năm 1971; nơi cư trú: Thôn K, xã P, huyện H, tỉnh Tuyên Quang. *Vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt*

+ Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Đỗ Đình H, sinh năm 1977; nơi cư trú: Thôn 7, xã L, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang. *Có mặt*

- Bị đơn: Ông Ma Văn T, sinh năm 1971; nơi ĐKHKTT: Thôn K, xã P, huyện H, tỉnh Tuyên Quang; nơi ở hiện nay: Thôn N, xã P, huyện H, tỉnh Tuyên Quang (*Ông T đã được Tòa án triệu tập, niêm yết các văn bản tố tụng hợp lệ hai lần nhưng tại phiên tòa vắng mặt không có lý do).*

- Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang, địa chỉ: Tổ dân phố Cống Đôi, thị trấn Tân Yên, huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang (Người đại diện theo pháp luật: Ông Trương Thành T – Chức vụ: Chi cục trưởng; Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Quang H – Chức danh: Chấp hành viên). *Ông H vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt*

+ Bà Lương Thị T, sinh năm 1973;

+ Anh Ma Văn T, sinh năm 1993;

+ Anh Ma Văn T, sinh năm 1991.

Cùng nơi ĐKHKTT: Thôn K, xã P, huyện H, tỉnh Tuyên Quang; cùng nơi ở hiện nay: Thôn N, xã P, huyện H, tỉnh Tuyên Quang (*Bà T, anh T, anh T đã được Tòa án triệu tập, niêm yết các văn bản tố tụng hợp lệ hai lần nhưng tại phiên tòa vắng mặt không có lý do)*

NHẬN THẤY:

**** Theo đơn khởi kiện, tại bản tự khai nguyên đơn ông Hà Văn N; tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai bổ sung và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Đỗ Đình H trình bày:***

Ngày 05/09/2018 ông Ma Văn T chuyển nhượng cho ông Hà Văn N một thửa đất ở tại thôn N, xã P, huyện H, tỉnh Tuyên Quang có chiều rộng bám mặt đường liên thôn là 4,5m, chiều sâu hết đất ra đến suối khoảng 28m, diện tích khoảng 126 m^2 với giá 250.000.000đ (Hai trăm năm mươi triệu đồng), việc mua bán được lập thành "Biên bản chuyển nhượng đất ở" có chữ ký của bên mua, bên bán và được Trưởng thôn K, xã P là ông Lý Phúc T; Trưởng thôn N, xã P là ông Nông Văn Đ; con trai ông Ma Văn T là anh Ma Văn T; chủ đất liền kề là ông Hà Minh C cùng ký làm chứng. Ông Ma Văn T còn tự tay viết thêm một "Giấy tờ bán đất" và có con trai ông T là anh Ma Văn T; Trưởng thôn K, xã P là ông Lý Phúc T cùng ký tên làm chứng. Sau khi lập giấy tờ chuyển nhượng đất xong thì ông Ma Văn T đã nhận đủ số tiền 250.000.000 đồng và đã tiến hành giao diện tích đất trên cho ông Hà Văn N quản lý, sử dụng. Trong quá trình quản lý, sử dụng diện tích đất trên ông N đã nhiều lần yêu cầu ông T làm thủ tục sang tên quyền sử dụng đất cho ông N nhưng ông T không làm thủ tục sang tên cho ông Hà Văn N.

Tháng 5 năm 2019 khi nghe tin diện tích đất đã mua của ông Ma Văn T bị kê biên để đảm bảo thi hành án, ông N đã gặp ông T để làm rõ. Ngày 30/5/2019 ông Ma Văn T tiếp tục viết "Giấy cam kết" có nội dung nếu diện tích đất ông T đã chuyển nhượng cho ông N mà bị kê biên thì ông T có trách nhiệm trả lại tiền cho ông N. Ngày 20/5/2020 Hội đồng cưỡng chế của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hàm Yên đã cưỡng chế và thu hồi toàn bộ diện tích đất của ông Ma Văn T đã bán cho ông Hà Văn N để đảm bảo thi hành án trong các vụ án dân sự khác. Sau khi diện tích đất của ông Ma Văn T đã chuyển nhượng cho ông Hà Văn N bị cưỡng chế và thu hồi, ông N đã yêu cầu ông T phải hoàn trả lại số tiền chuyển nhượng đất đã nhận nhưng ông T không trả tiền cho ông N.

Tại đơn khởi kiện và bản tự khai ông Hà Văn N đề nghị Tòa án nhân dân huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang giải quyết tuyên hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 05/09/2018; Buộc ông Ma Văn T phải hoàn trả lại cho ông Hà Văn N số tiền 250.000.000 đồng và bồi thường thiệt hại là tiền lãi suất phát sinh từ số tiền 250.000.000 đồng x 0,8%/tháng x 50 tháng = 100.000.000 đồng. Tổng số tiền ông Hà Văn N yêu cầu ông Ma Văn T phải trả lại là 350.000.000 đồng.

Tại phiên tòa hôm nay ông Hà Văn N thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện,

ông N đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, giải quyết các nội dung cụ thể sau:

+ Thứ nhất: Tuyên hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất lập ngày 05/9/2018 giữa ông Hà Văn N và ông Ma Văn T là vô hiệu;

+ Thứ hai: Buộc ông Ma Văn T có trách nhiệm hoàn trả lại cho ông Hà Văn N số tiền theo hợp đồng đã nhận là 250.000.000đ (Hai trăm năm mươi triệu đồng).

Đối với Kết luận giám định chữ ký, chữ viết của ông Ma Văn T trong "Biên bản chuyển nhượng đất ở", "Giấy tờ bán đất" và "Giấy cam kết" do Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Tuyên Quang thực hiện, ông Hà Văn N nhất trí và không có ý kiến gì. Đối với chi phí cho việc giám định chữ ký với tổng chi phí là 4.670.000 đồng, ông N đã nộp toàn bộ số tiền trên nên ông N đề nghị HĐXX buộc ông Ma Văn T có trách nhiệm phải hoàn trả lại toàn bộ số tiền trên cho ông Hà Văn N.

Ngoài ra, ông Hà Văn N và ông Đỗ Đình H không đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết nội dung gì khác.

**** Đối với bị đơn ông Ma Văn T:***

Quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang đã gửi Thông báo thụ lý vụ án số 153/2022/TLST-DS ngày 08/12/2022; Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2023/QĐXXST-DS, ngày 07/6/2023 và các văn bản tố tụng khác cho ông Ma Văn T biết, báo gọi ông T nhiều lần đến Tòa án giải quyết vụ án nhưng ông T không trực tiếp đến Tòa án làm việc. Toà án đã phối hợp với đại diện thôn K và thôn N, xã P, huyện H trực tiếp đến gia đình ông T để lấy lời khai và làm việc nhưng ông T không có mặt tại gia đình nên Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng đối với ông T theo quy định. Ngoài ra Tòa án tiến hành làm việc với bà Lương Thị T (là vợ của ông T) để trực tiếp thông báo về việc ông Hà Văn N nộp đơn đến Toà án nhân dân huyện Hàm Yên để giải quyết tranh chấp về hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất với ông Ma Văn T, nhưng ông T cố tình trốn tránh nghĩa vụ không đến Toà án làm việc. Như vậy người bị khởi kiện là ông Ma Văn T đã cố tình trốn tránh nghĩa vụ nên Tòa án tiến hành thụ lý và giải quyết vụ án theo thủ tục chung theo quy định tại điểm e khoản 1 Điều 192 Bộ luật Tố tụng dân sự.

**** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lương Thị T trình bày:***

Bà là vợ của ông Ma Văn T và là mẹ của Ma Văn T, Ma Văn T. Gia đình bà đăng ký HKTT tại thôn K, xã P, huyện H, tỉnh Tuyên Quang nhưng thực tế hiện nay gia đình bà đang sinh sống tại thôn N, xã P, huyện H, tỉnh Tuyên Quang.

Đối với diện tích đất mà chồng bà là ông Ma Văn T chuyển nhượng cho ông Hà Văn N đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên bà và ông Ma Văn T, còn cụ thể việc mua bán, chuyển nhượng giữa chồng bà và ông Hà Văn N bà không nắm được do thời gian đó bà đi làm ăn xa không có nhà, sau này chồng bà nói thì bà mới biết. Hiện nay diện tích đất chồng bà chuyển nhượng cho ông N đã bị cơ quan Thi hành án dân sự huyện Hàm Yên cưỡng chế và thu hồi để đảm bảo thi hành án, diện tích đất này hiện nay không còn thuộc quyền quản lý và sử dụng của gia đình bà. Ngoài ra bà không có ý kiến, đề nghị gì khác.

**** Đối với những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Ma Văn T và anh Ma Văn T:***

Quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang đã gửi Thông báo thụ lý vụ án số 153/2022/TLST-DS ngày 08/12/2022; Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2023/QĐXXST-DS, ngày 07/6/2023 và các văn bản tố tụng khác cho anh Ma Văn T và anh Ma Văn T biết, báo gọi anh T, anh T nhiều lần đến Tòa án giải quyết vụ án nhưng anh T, anh T không trực tiếp đến Tòa án làm việc. Toà án đã phối hợp với đại diện thôn K và thôn N, xã P, huyện H trực tiếp đến gia đình anh T, anh T để lấy lời khai và làm việc nhưng anh T, anh T không có mặt tại gia đình nên Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng đối với anh T, anh T theo quy định. Như vậy những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh T và anh T đã cố tình trốn tránh nghĩa vụ nên Tòa án tiến hành giải quyết vụ án theo thủ tục chung theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

**** Đại diện Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hàm Yên do ông Nguyễn Quang H trình bày:***

Căn cứ Bản án số 38/2018/DSST ngày 12/10/2018; Bản án số 25/2019/DSST ngày 02/8/2019; Bản án số 39/2020/DSST ngày 20/8/2020 của Tòa án nhân dân huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang. Chi cục Thi hành án dân sự đã ra các Quyết định thi hành án gồm: Số 138/QĐ-CCTHADS ngày 03/12/2018; số 140/QĐ-CCTHADS ngày 03/12/2018; số 08/QĐ-CCTHADS ngày 01/10/2019; số 53/QĐ-CCTHADS ngày 09/10/2020; số 02/QĐ-CCTHADS ngày 01/10/2019 đối với ông Ma Văn T, sinh năm 1971, địa chỉ: Thôn K, xã P, huyện H; nơi ở: Thôn N, xã P, huyện H, tỉnh Tuyên Quang là người phải thi hành án các khoản tiền án phí DSSTGN với tổng số tiền là 10.830.000 đồng; tiền trả nợ cho bà Lý Thị C số tiền là 120.000.000 đồng và tiền trả nợ cho ông Trương Minh C, số tiền: 51.600.000 đồng và lãi suất chậm thi hành án theo quy định của pháp luật đối với các khoản tiền trả nợ nêu trên. Quá trình xác minh và giải quyết vụ việc, Chấp hành viên xác định đương sự Ma Văn T có khối tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân cùng với vợ bà Lương Thị T là quyền sử dụng diện tích 459m^2 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BĐ 523154, số vào sổ giấy chứng nhận: CH 00173 ngày 25/01/2013 tại thửa đất số 326, tờ bản đồ số 34, địa chỉ thửa đất: Thôn N, xã P, huyện H, tỉnh Tuyên Quang, thể hiện trong nội dung biên bản xác minh ngày 16/01/2019 tại UBND xã Phù Lưu, huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang và biên bản xác minh ngày 22/5/2019 tại Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang.

Căn cứ khoản 5 Điều 20, khoản 3 Điều 71, Điều 110, Điều 111, Điều 112 Luật thi hành án dân sự (được sửa đổi, bổ sung năm 2014). Ngày 24/5/2019 Chấp hành viên đã ra Quyết định cưỡng chế kê biên quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất số 06/QĐ-CCTHADS đối với diện tích 117m^2/459m^2 theo giấy chứng nhận QSD đất số BĐ 523154, số vào sổ GCN: CH 00173 ngày 25/01/2013 tại thửa đất số 326, tờ bản đồ số 34, địa chỉ thửa đất: Thôn N, xã P, huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang để đảm bảo việc thi hành án cho các Quyết định thi hành án số 138/QĐ-CCTHADS ngày 03/12/2018; số 140/QĐ-CCTHADS ngày 03/12/2018 của Chi cục trưởng Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang.

Ngày 20/5/2020, Chấp hành viên đã phối hợp với các cơ quan gồm: Công an huyện, Phòng Tài chính – kế hoạch huyện, Phòng Tài nguyên và môi trường huyện, Phòng Nông nghiệp huyện, Phòng Kinh tế - hạ tầng huyện, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện, Trung tâm kỹ thuật tài nguyên và môi trường tỉnh Tuyên Quang, UBND xã Phù Lưu và thôn Nà Luộc, Khuổi Nọi... tiến hành kê biên tài sản chung của ông Ma Văn T và vợ là Lương Thị T, được thể hiện tại Biên bản kê biên, xử lý tài sản ngày 20/5/2020 với những nội dung sau: Quyền sử dụng đất chung có diện tích 117m^2/459m^2 (trong đó gồm: 60m^2 đất ở tại nông thôn và 57m^2 đất trồng cây lâu năm); số liệu đo đạc thực tế là 162m^2 bao gồm cả phần hành lang đường là 45m^2 (trong đó gồm 60m^2 đất ở và 102m^2 đất trồng cây lâu năm) theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BĐ 523154, số vào sổ GCN: CH00173 ngày 25/01/2013 tại thửa 326, tờ bản đồ số 34, địa chỉ thửa đất tại: thôn N, xã P, huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang mang tên ông Ma Văn T, bà Lương Thị T và tài sản gắn liền trên đất.

* Đặc điểm, hiện trạng tài sản như sau:

- Một cạnh tiếp giáp đường DH 13 chiều rộng 4,5m,
- Một cạnh tiếp giáp mương nước chiều rộng 4,5m,
- Một cạnh tiếp giáp đất ông Hà Minh Chư, chiều dài 36m, (trong đó trừ hành lang đường 10m),
- Một cạnh tiếp giáp phần đất còn lại của ông Ma Văn T và bà Lương Thị T, chiều dài 36m, (trong đó trừ hành lang đường 10m),

+ Số liệu đo đạc thực tế: Diện tích 162m^2 (trong đó có 60m^2 đất ở nông thôn, 102m^2 đất trồng cây lâu năm)

- Một cạnh tiếp giáp đường DH 13 chiều rộng 4,5m,
- Một cạnh tiếp giáp mương nước chiều rộng 4,5m,
- Một cạnh tiếp giáp đất ông Hà Minh Chư, chiều dài 36m,
- Một cạnh tiếp giáp phần đất còn lại của ông Ma Văn T và bà Lương Thị T, chiều dài 36m,

* Tài sản trên đất là 01 nhà mái tôn, vì kèo và cột thép hình, nhà do ông Hà Văn N bỏ tiền xây dựng năm 2019, diện tích 44,1m^2.

Do các đương sự gồm người được thi hành án, người phải thi hành án, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt nên không thỏa thuận được giá tài sản kê biên. Ngày 08/6/2020, Chấp hành viên đã đề nghị và ký hợp đồng T vấn dịch vụ thẩm định giá số 121.01/2020/HĐ-TĐG-DVFC với Công ty CP Giám định và Thẩm định giá Thăng Long, căn cứ chứng thư thẩm định giá số 1830620.01/TĐG/BĐS-DVFC ngày 15/6/2020 của Công ty CP Giám định và Thẩm định giá Thăng Long thì tài sản là quyền sử dụng đất diện tích 162m^2 (trong đó gồm 60m^2 đất ở; 57m^2 đất vườn; 45m^2 đất vườn thuộc hành lang giao thông) và tài sản gắn liền trên đất có tổng giá trị là 287.798.000 đồng.

Theo nội dung biên bản giải quyết ngày 27/10/2020 thì ông Hà Văn N (người có tài sản trên đất) có ý kiến là sau khi kê biên và thẩm định giá tài sản là 01 nhà mái tôn, đề nghị Cơ quan thi hành án tách riêng nhà tạm mái tôn không đưa ra bán đấu giá và để ông N tự tháo dỡ, di chuyển tài sản trả lại mặt bằng cho người mua trúng đấu giá theo quy định, do đó

sau khi trừ giá trị của nhà mái tôn là 13.555.000 đồng thì giá trị còn lại của tài sản để đưa ra bán đấu giá là 274.243.000 đồng. Sau 07 lần hạ giá để bán đấu giá, đến ngày 25/02/2022 thì tài sản được bán với giá 146.169.578 đồng. Ngày 06/4/2022, Chấp hành viên đã phối hợp với các cơ quan chuyên môn, chính quyền địa phương tiến hành giao tài sản cho người trúng đấu giá theo quy định tại khoản 3 Điều 27 Nghị định số 62/2015/NĐ-CP ngày 18/7/2015 và đồng thời Chi cục Thi hành án dân sự đã cung cấp đầy đủ những văn bản, giấy tờ cho người mua tài sản thi hành án theo quy định của pháp luật.

Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hàm Yên có ý kiến như sau: Căn cứ các quy định của pháp luật tố tụng dân sự và các tài liệu, chứng cứ, Chi cục Thi hành án đề nghị Tòa án nhân dân huyện Hàm Yên giải quyết vụ việc "*Tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất"* theo đơn khởi kiện của ông Hà Văn N, địa chỉ: Thôn K, xã P, huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang theo quy định của pháp luật. Ngoài ra Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hàm Yên không có ý kiến gì khác.

Tòa án tiến hành xác minh đối với ông Lý Phúc T - Trưởng thôn K, xã P và ông Nông Văn Đ - Trưởng thôn N, xã P xác định: Hiện nay hộ gia đình ông T gồm: Ông Ma Văn T, bà Lương Thị T, anh Ma Văn T và anh Ma Văn T là công dân đăng ký HKTT tại thôn K, xã P nhưng sinh sống tại thôn N, xã P, huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang. Đồng thời ông T và ông Đ cùng xác định ngày 05/9/2018 hai ông có được chứng kiến và ký xác nhận vào giấy chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Ma Văn T và ông Hà Văn N.

Tòa án tiến hành xác minh tại UBND xã Phù Lưu, huyện Hàm Yên được cung cấp thông tin như sau: Diện tích đất mà ông Ma Văn T chuyển nhượng cho ông Hà Văn N đã được UBND huyện Hàm Yên cấp GCNQSD đất cho ông Ma Văn T và bà Lương Thị T vào năm 2013; Đối với việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Ma Văn T với ông Hà Văn N năm 2018 thì UBND xã Phù Lưu không nắm được do các bên không làm thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất theo quy định tại UBND xã Phù Lưu.

Tòa án đã tiến hành trưng cầu giám định chữ ký, chữ viết của ông Ma Văn T trong các giấy tờ chuyển nhượng đất cho ông Hà Văn N. Tại bản kết luận giám định số 673/KL-KTHS ngày 17/5/2023 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Tuyên Quang kết luận: *"Chữ ký "T" chữ viết ghi tên Ma Văn T dưới mục "Người chuyển nhượng đất" trên mẫu giám định ký hiệu M1; dưới mục "người Bán" trên mẫu giám định ký hiệu M2; dưới mục "người viết giấy" trên mẫu giám định ký hiệu M3 với chữ ký "T", chữ viết ghi tên Ma Văn T dưới mục "Các đương sự" trên mẫu giám định ký hiệu M4; dưới mục "NGƯỜI KHAI" trên mẫu giám định ký hiệu M5 là do cùng một người ký và viết".*

Quá trình giải quyết vụ án, các đương sự cung cấp cho Tòa án các tài liệu, chứng cứ gồm:

- Tài liệu do nguyên đơn Hà Văn N cung cấp: 01 Căn cước công dân mang tên Hà Văn N (bản sao chứng thực); 01 văn bản ghi "BIÊN BẢN CHUYỂN NHƯỢC ĐẤT Ở" đề ngày 05/9/2018 (bản chính); 01 văn bản ghi "Giấy tờ bán đất" đề ngày 05/9/2018 (bản chính); 01 Giấy cam kết đề ngày 30/5/2019 (bản chính); 01 Hợp đồng ủy quyền ngày 23/11/2022 (bản chính).

- Tài liệu do bị đơn ông Ma Văn T cung cấp: Không có.

- Tài liệu do Tòa án thu thập: Các biên bản xác minh và tài liệu kèm theo; Kết luận giám định.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Hàm Yên đã tổng đạt hợp

lệ giấy triệu tập và các văn bản tố tụng khác, thông báo cho các đương sự đến Tòa án làm việc để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định pháp luật. Tuy nhiên các lần thông báo của Tòa án bị đơn ông Ma Văn T và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Lương Thị T, anh Ma Văn T, anh Ma Văn T đều không đến làm việc, Tòa án không tiến hành hòa giải được cho các bên đương sự thỏa thuận với nhau để giải quyết vụ án. Căn cứ vào các tài liệu đã thu thập được, Tòa án ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án đều đảm bảo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, đại điện theo ủy quyền của nguyên đơn, đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là Chi cục thi hành án dân sự huyện Hàm Yên đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật; Bị đơn ông Ma Văn T và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Lương Thị T, anh Ma Văn T, anh Ma Văn T đã được Tòa án gửi các văn bản tố tụng nhiều lần nhưng đều vắng mặt không đến Tòa án làm việc nên Tòa án đã tiến hành niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định pháp luật. Vì vậy có thể xác định bị đơn ông Ma Văn T và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Lương Thị T, anh Ma Văn T, anh Ma Văn T đã cố tình trốn tránh nghĩa vụ nên vụ án được giải quyết theo thủ tục chung.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị áp dụng điểm e khoản 1 Điều 192, các Điều 26, 35, 39; 147, 160, 161, 162, 227, 228, 235, 266, 267, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ Điều 166, 167, 188 Luật đất đai; các Điều 116, 117, 119, 122, 129, 131, 132, 134, 135, 142, 213, 357, 385, 401, 407, 468, 500, 502, 503 Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

+ Đề nghị HĐXX: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Hà Văn N.

- Tuyên hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất lập ngày 05/9/2018 giữa bên chuyển nhượng ông Ma Văn T với bên nhận chuyển nhượng ông Hà Văn N đối với diện tích đất thuộc thửa đất số 326, tờ bản đồ số 34 tại thôn N, xã P, huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BĐ 523154 do Ủy ban nhân dân huyện Hàm Yên cấp ngày 25/01/2013 mang tên ông Ma Văn T và bà Lương Thị T là vô hiệu.

- Buộc ông Ma Văn T có trách nhiệm hoàn trả lại cho ông Hà Văn N số tiền theo hợp đồng đã nhận là 250.000.000đ (Hai trăm năm mươi triệu đồng).

+ Về chi phí tố tụng: Đề nghị HĐXX tuyên ông Ma Văn T có trách nhiệm hoàn trả lại toàn bộ số tiền chi phí tố tụng là tiền giám định chữ ký, chữ viết cho ông Hà Văn N theo quy định pháp luật.

+ Về án phí dân sự: Do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận nên nguyên đơn ông Hà Văn N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và án phí dân sự có giá ngạch; Bị

đơn ông Ma Văn T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định.

Ngoài ra đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị Hội đồng xét xử tuyên quyền kháng cáo bản án của các đương sự theo quy định của pháp luật.

XÉT THẤY:

Sau khi nghiên cứu tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, HĐXX nhận định:

[1]. Về tố tụng:

- *Về thẩm quyền giải quyết vụ án:* Theo thông tin Tòa án xác minh thì hiện nay bị đơn ông Ma Văn T là công dân có hộ khẩu trú tại thôn K, xã P, huyện H, tỉnh Tuyên Quang và hiện nay đang cư trú tại thôn N, xã P, huyện H, tỉnh Tuyên Quang nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang theo quy định tại khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- *Về việc vắng mặt của bị đơn ông Ma Văn T và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Lương Thị T, anh Ma Văn T, anh Ma Văn T tại phiên tòa:* Sau khi thụ lý vụ án, bị đơn ông Ma Văn T và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Lương Thị T, anh Ma Văn T, anh Ma Văn T đã được Toà án giao, tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật nhưng vẫn vắng mặt không đến Toà án làm việc và không đến tham gia phiên tòa mà không có lý do chính đáng. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn ông Ma Văn T và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Lương Thị T, anh Ma Văn T, anh Ma Văn T theo quy định.

- *Về việc xác định quan hệ pháp luật tranh chấp:* Theo đơn khởi kiện và lời trình bày của nguyên đơn ông Hà Văn N đề nghị Tòa án hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất lập ngày 05/9/2018 giữa bên chuyển nhượng là ông Ma Văn T với bên nhận chuyển nhượng là ông Hà Văn N đối với diện tích đất tại thôn N, xã P, huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang; yêu cầu ông T phải trả lại tiền đã nhận và bồi thường thiệt hại cho ông N theo quy định, do đó Tòa án đã thụ lý vụ án và xác định quan hệ pháp luật là "Tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất". Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Hà Văn N thay đổi một phần nội dung khởi kiện, ông N đề nghị Tòa án tuyên hợp đồng này là vô hiệu và yêu cầu ông Ma Văn T phải hoàn trả lại cho ông Hà Văn N số tiền 250.000.000 đồng. Như vậy, đây là tranh chấp về hợp đồng dân sự và quan hệ pháp luật được xác định lại là *"Yêu cầu tuyên bố hợp đồng vô hiệu và giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu"* theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ Luật tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Hà Văn N.

Căn cứ vào lời trình bày của các đương sự và kết quả xác minh xác định: Ông Ma Văn T có khối tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân cùng với vợ bà Lương Thị T là quyền sử dụng diện tích đất 459m^2 đã được Ủy ban nhân dân huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BĐ 523154, số vào sổ giấy chứng nhận CH 00173 ngày 25/01/2013 tại thửa đất số 326, tờ bản đồ số 34, địa chỉ thửa đất: Thôn N, xã P, huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang mang tên ông Ma Văn T và bà Lương Thị T.

Ngày 05/9/2018, giữa ông Ma Văn T và ông Hà Văn N có thỏa thuận chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại thôn N, xã P, huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang, khi

chuyển nhượng các bên có lập Biên bản chuyển nhượng đất ở và Giấy tờ bán đất với nội dung: "*Ông Ma Văn T có mảnh đất tại thôn Nà Luộc, khu vực cầu máng, gia đình vợ con đã đều nhất trí chuyển nhượng phần đất trên cho ông Hà Văn N với diện tích sau: Tổng diện tích chuyển nhượng là: Chiều rộng: 4,5m; Chiều dài chạy đến hết suối; Phía Đông giáp đường nhựa; Phía Tây giáp với suối; Phía Nam giáp với nhà ông Hà Minh Chủ; Phía Bắc giáp với đất nhà ông Ma Văn T còn lại".."Tại nhà anh Ma Văn T, vợ Lương Thị T có bán cho anh N một mảnh đất đang ở diện tích chiều rộng mặt 4,5m, dài theo khổ đất với số tiền 250.000.000 đồng*". Việc chuyển nhượng đất có sự chứng kiến của Trưởng thôn N, xã P là ông Nông Văn Đ và trưởng thôn K, xã P là ông Lý Phúc T, sau khi chuyển nhượng việc thanh toán tiền giữa ông N và ông T đã thực hiện xong. Tại thời điểm chuyển nhượng, quyền sử dụng diện tích đất chuyển nhượng giữa ông Ma Văn T và ông Hà Văn N nằm trong tổng diện tích quyền sử dụng đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BĐ 523154 ngày 25/01/2013 mang tên ông Ma Văn T và bà Lương Thị T, chưa phân chia tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân hoặc quyết định kê biên của cơ quan có thẩm quyền, vì vậy xác định đây là tài sản chung của vợ chồng ông Ma Văn T và bà Lương Thị T.

- Về nội dung của hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất: Trong biên bản chuyển nhượng quyền sử dụng đất ở và giấy tờ bán đất được lập giữa ông Ma Văn T và ông Hà Văn N ngày 05/9/2018 không thể hiện có ý kiến và chữ ký của vợ ông T là bà Lương Thị T. Quá trình Tòa án lấy ý kiến của bà Lương Thị T (có người chứng kiến) thì bà Toanh xác định bà không biết việc ông Ma Văn T và ông Hà Văn N giao dịch chuyển nhượng quyền sử dụng đất của vợ chồng bà vì thời điểm đó bà đi làm xa, không có mặt tại địa phương. Theo quy định tại Điều 213 Bộ luật dân sự quy định: "*1. Sở hữu chung của vợ chồng là sở hữu chung hợp nhất. 2. Hai vợ chồng…có quyền ngang nhau trong việc chiếm hữu, sử dụng, định đoạt tài sản chung. 3. Vợ chồng cùng bàn bạc, thoả thuận hoặc ủy quyền cho nhau chiếm hữu, sử dụng, định đoạt tài sản chung*". Tuy vậy, khi ông Ma Văn T chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho ông Hà Văn N thì bà T không biết, không được quyết định và thực tế trong các giấy tờ chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa các bên không có chữ ký của bà T. Do vậy, giao dịch chuyển nhượng quyền đất giữa ông Ma Văn T và ông Hà Văn N không đảm bảo điều kiện về nội dung của hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

- Về hình thức của hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất: Khoản 2 Điều 117 Bộ luật dân sự quy định "*Hình thức của giao dịch dân sự là điều kiện có hiệu lực của giao dịch dân sự trong trường hợp luật có quy định*"; Tại điểm a khoản 3 Điều 167 Luật đất đai quy định "*Hợp đồng chuyển nhượng, tặng cho, thế chấp, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất phải được công chứng hoặc chứng thực, trừ trường hợp kinh doanh bất động sản quy định tại điểm b khoản này*". Ngoài ra, khoản 1 Điều 401 Bộ luật dân sự quy định "*Hợp đồng được giao kết hợp pháp có hiệu lực từ thời điểm giao kết, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác*"; các Điều 502, 503 Bộ luật dân sự quy định về hình thức, thủ tục thực hiện hợp đồng về quyền sử dụng đất và hiệu lực của việc chuyển quyền sử dụng đất quy định: *Hợp đồng về quyền sử dụng đất phải được lập thành văn bản theo hình thức phù hợp với quy định Bộ luật này, pháp luật về đất đai và quy định*

khác của pháp luật liên quan; Việc thực hiện hợp đồng về quyền sử dụng đất phải đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật về đất đai đai và quy định khác của pháp luật liên quan; Đối với hợp đồng chuyển quyền sử dụng đất có hiệu lực từ thời điểm đăng ký theo quy định của Luật đất đai. Khoản 3 Điều 188 Luật đất đai quy định "*Việc chuyển đổi, chuyển nhượng, cho thuê, cho thuê lại, thừa kế, tặng cho, thế chấp quyền sử dụng đất, góp vốn bằng quyền sử dụng đất phải đăng ký tại cơ quan đăng ký đất đai và có hiệu lực kể từ thời điểm đăng ký vào sổ địa chính*". Từ những quy định trên thấy rằng, hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Ma Văn T và ông Hà Văn N không thực hiện đúng quy định về hình thức của hợp đồng, trình tự và thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất, chưa phát sinh hiệu lực nên ngày 24/5/2019, Cơ quan thi hành án dân sự huyện Hàm Yên đã ra Quyết định cưỡng chế kê biên quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất số 06/QĐ-CCTHADS đối với diện tích đất mà ông Ma Văn T đã chuyển nhượng cho ông Hà Văn N là đúng quy định pháp luật (Cơ quan thi hành án dân sự huyện Hàm Yên đã kê biên xong).

Như vậy, căn cứ vào lời trình bày của các đương sự, căn cứ kết quả xác minh và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Hà Văn N về việc đề nghị tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất lập ngày 05/9/2018 giữa bên chuyển nhượng ông Ma Văn T với bên nhận chuyển nhượng ông Hà Văn N vô hiệu là có căn cứ và được chấp nhận.

[3]. Việc xử lý hậu quả của hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất vô hiệu:

Theo quy định tại khoản 1 Điều 131 Bộ luật dân sự thì "*Khi giao dịch dân sự vô hiệu thì các bên khôi phục lại tình trạng ban đầu, hoàn trả cho nhau những gì đã nhận*". Do vậy, có căn cứ để chấp nhận yêu cầu của ông Hà Văn N và cần buộc ông Ma Văn T phải hoàn trả lại cho ông Hà Văn N số tiền 250.000.000 đồng mà ông Ma Văn T đã nhận khi chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 05/9/2018; Đối với quyền sử dụng đất đã chuyển nhượng theo hợp đồng chuyển nhượng ngày 05/9/2018, hiện nay đã bị Cơ quan thi hành án dân sự huyện Hàm Yên kê biên để đảm bảo thi hành án đối với nghĩa vụ thanh toán nợ của ông Ma Văn T nên Hội đồng xét xử không xem xét hậu quả trả lại quyền sử dụng đất cho ông Ma Văn T là phù hợp với quy định của pháp luật.

[4]. Về chi phí tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Hà Văn N đã nộp tiền chi phí tố tụng cho việc giám định chữ ký và chữ viết hết tổng số tiền là 4.670.000đ (Bốn triệu sáu trăm bảy mươi nghìn đồng). Tại phiên toà, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Đỗ Đình H yêu cầu ông Ma Văn T có trách nhiệm hoàn trả lại cho ông Hà Văn N toàn bộ số tiền chi phí tố tụng trên.

HĐXX xét thấy, do toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Hà Văn N được chấp nhận nên đối với khoản tiền chi phí tố tụng mà ông N đã nộp là 4.670.000 đồng cần buộc ông Ma Văn T phải hoàn trả lại cho ông Hà Văn N toàn bộ số tiền chi phí tố tụng này là 4.670.000 đồng. Ông T còn phải chịu lãi suất nếu chậm trả theo quy định của pháp luật.

[5]. Về án phí: Căn cứ khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí của Tòa án.

- Đối với nguyên đơn ông Hà Văn N: Do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận

nên ông N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và án phí dân sự có giá ngạch, hoàn trả lại cho ông N toàn bộ tiền tạm ứng án phí dân sự đã nộp theo quy định;

- Đối với bị đơn ông Ma Văn T: Do ông T trốn tránh nghĩa vụ không đến Tòa án làm việc nên không xác định được ông T yêu cầu công nhận hợp đồng hay yêu cầu tuyên bố hợp đồng vô hiệu, để có lợi cho đương sự HĐXX xác định ông T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; Ông T phải chịu tiền án phí dân sự có giá ngạch đối với số tiền phải hoàn trả cho ông N theo quy định.

[6]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Điểm e khoản 1 Điều 192, các Điều 26, 35, 39; 147, 160, 161, 162, 227, 228, 235, 266, 267, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ Điều 166, 167, 188 Luật đất đai; các Điều 116, 117, 119, 122, 129, 131, 132, 134, 135, 142, 213, 357, 385, 401, 407, 468, 500, 502, 503 Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Hà Văn N.

1. Tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất lập ngày 05/9/2018 giữa bên chuyển nhượng ông Ma Văn T với bên nhận chuyển nhượng ông Hà Văn N đối với diện tích đất thuộc thửa đất số 326, tờ bản đồ số 34 tại thôn N, xã P, huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BĐ 523154 do Ủy ban nhân dân huyện Hàm Yên cấp ngày 25/01/2013 mang tên ông Ma Văn T và bà Lương Thị T là vô hiệu.

- Buộc ông Ma Văn T có trách nhiệm hoàn trả lại cho ông Hà Văn N số tiền theo hợp đồng đã nhận là 250.000.000đ (Hai trăm năm mươi triệu đồng).

Khoản tiền phải trả như trên, kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật và ông Hà Văn N có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Ma Văn T chậm trả thì phải chịu thêm khoản tiền lãi đối với số tiền chậm trả Tơng ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh thực hiện theo quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự.

2. Về chi phí tố tụng: Buộc ông Ma Văn T có trách nhiệm phải hoàn trả lại cho ông Hà Văn N khoản tiền chi phí tố tụng cho việc giám định chữ ký và chữ viết, tổng số tiền là 4.670.000đ *(Bốn triệu sáu trăm bảy mươi nghìn đồng)*.

Khoản tiền phải trả như trên, kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật và ông Hà Văn N có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Ma Văn T chậm trả thì phải chịu thêm khoản tiền lãi đối với số tiền chậm trả Tơng ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh thực hiện theo quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Ma Văn T phải chịu 12.500.000đ *(Mười hai triệu năm trăm nghìn đồng)* tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

- Ông Hà Văn N không phải chịu tiền án phí. Hoàn trả lại cho ông Hà Văn N số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 8.750.000đ *(Tám triệu bảy trăm năm mươi nghìn*

đồng) tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005894 ngày 08/12/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyên thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện Hàm Yên;
- Chi cục THADS huyện Hàm Yên;
- Các đương sự;
- UBND xã Phù Lưu (Để biết);
- Lưu.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nguyễn Đức Tùng